

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 22-23

Môn học
CBGD

Bóng đá 1
Lương Anh Kiệt

Nhóm: 09

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234006	1	2120220001	Dương Ngọc	An	19/08/2002	CCQ2022A				
234006	2	2122170265	Nguyễn Viết	Bảo	05/05/2004	CCQ2217G				
234006	3	2122170279	Phan Võ	Bảo	21/10/2004	CCQ2217G	5.0	7	6.2	
234006	4	2122170316	Trần Thiên	Bảo	16/01/2004	CCQ2217H	6.7	6	6.3	
234006	5	2122170300	Hoàng Đức	Bình	20/01/2004	CCQ2217H				
234006	6	2122170315	Lương Văn	Bình	24/11/2004	CCQ2217H	8.0	6	6.8	
234006	7	2122170291	Võ Quang	Bửu	12/08/2004	CCQ2217H	7.0	4	5.2	
234006	8	2122170268	Nguyễn Trọng	Chung	22/05/2004	CCQ2217G				
234006	9	2122170261	Lê Văn	Cương	23/08/2004	CCQ2217G				
234006	10	2122170295	Trần Văn	Dũng	21/06/2004	CCQ2217H				
234006	11	2121170147	Phạm Tuấn	Đạt	01/11/2003	CCQ2117E	7.0	7	7.0	
234006	12	2122170281	Phan Trần Thái	Đạt	20/04/2002	CCQ2217G	6.3	8	7.3	
234006	13	2122170254	Trịnh Tiến	Đạt	23/07/2003	CCQ2217G	9.3	7	7.9	
234006	14	2122170248	Lâm Quang	Điền	20/12/2004	CCQ2217G	7.3	7	7.1	
234006	15	2122170288	Tổng Trường	Hải	13/09/2004	CCQ2217H	8.7	5	6.5	
234006	16	2122170299	Lê Ngọc	Hân	08/03/2004	CCQ2217H				
234006	17	2122170260	Ngô Thanh	Hậu	16/07/2004	CCQ2217G	5.7	7	6.5	
234006	18	2122170314	Y Kuen	Hmok	27/06/2001	CCQ2217H	5.3	7	6.3	
234006	19	2122170313	Y Phong	Hmok	03/10/2004	CCQ2217H				
234006	20	2122170319	Nguyễn Văn	Hoàng	04/09/2004	CCQ2217H	10.0	7	8.2	
234006	21	2122170264	Phạm Ngọc	Huy	13/11/2004	CCQ2217G				

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234006	22	2122170249	Huỳnh Vĩnh	Hưng	10/02/2004	CCQ2217G	9.3	7	7.9	
234006	23	2122170258	Nguyễn Thành	Hưng	03/08/2003	CCQ2217G	5.3	5	5.1	
234006	24	2122170303	Nguyễn Tuấn	Kha	06/09/2004	CCQ2217H	9.3	7	7.9	
234006	25	2122170304	Hoàng Gia	Khang	02/03/2004	CCQ2217H	6.0	7	6.6	
234006	26	2122170253	Võ Nhật	Khanh	23/11/2003	CCQ2217G				
234006	27	2122170259	Phạm Văn Quốc	Khánh	02/09/2004	CCQ2217G				
234006	28	2122170251	Lê Ngô Minh	Khôi	21/09/2004	CCQ2217G	10	4	6.4	
234006	29	2122170245	Huỳnh Tuấn	Linh	02/01/2004	CCQ2217G	2.3	2	2.1	
234006	30	2122170309	Nguyễn	Lợi	17/09/2004	CCQ2217H	10	7	8.2	
234006	31	2122170321	Dương Minh	Lương	12/10/2003	CCQ2217H	7.3	6	6.5	
234006	32	2122170311	Trần Văn	Lưu	16/02/2004	CCQ2217H	9.3	6	7.3	
234006	33	2122170244	Trần Nguyễn Châu	My	13/12/2004	CCQ2217G	8.7	6	7.1	
234006	34	2122170294	Nguyễn Hoàng	Nam	13/09/2004	CCQ2217H	8.0	9	8.6	
234006	35	2122170320	Trần Anh	Nhựt	08/06/2004	CCQ2217H				
234006	36	2122170284	Lê Tuấn	Phát	02/12/2004	CCQ2217H	5.7	6	5.9	
234006	37	2122170305	Bùi Đức	Phong	15/03/2004	CCQ2217H	8.0	9	8.6	
234006	38	2122170276	Nguyễn Đăng	Quang	26/09/1998	CCQ2217G	8.7	9	8.9	
234006	39	2122170256	Phạm Minh	Quân	20/07/2004	CCQ2217G	8.7	6	7.1	
234006	40	2122170297	Lê Xuân	Quốc	04/06/2004	CCQ2217H	6.0	7	6.6	
234006	41	2122170250	Nguyễn Thanh	Sang	05/09/2004	CCQ2217G	8.7	7	7.7	
234006	42	2122170317	Nguyễn Huỳnh Đức	Sanh	16/08/2004	CCQ2217H	9.3	7	7.9	
234006	43	2122170289	Phạm Ngọc	Sum	22/04/2004	CCQ2217H	5.3	5	5.1	
234006	44	2122170292	Lương Viết	Tài	26/07/2004	CCQ2217H	7.7	5	6.1	
234006	45	2122170246	Hứa Minh	Thái	30/01/2003	CCQ2217G	7.7	6	6.7	
234006	46	2122170306	Nguyễn Công	Thành	30/10/2004	CCQ2217H	8.0	8	8.0	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234006	47	2122170280	Đặng Ngọc	Thảo	06/07/2004	CCQ2217G	5.0	6	5.6	
234006	48	2122170312	Võ Châu	Thân	05/05/2004	CCQ2217H	8.7	7	7.7	
234006	49	2122170262	Cao Đức	Thuận	17/09/2004	CCQ2217G				
234006	50	2122170266	Huỳnh Hữu	Thuận	15/07/2004	CCQ2217G	6.3	6	6.1	
234006	51	2122170269	Đoàn Văn	Thức	21/12/2004	CCQ2217G	8.0	6	6.8	
234006	52	2122170310	Trần Hoàng	Thức	22/03/2004	CCQ2217H				
234006	53	2122170322	Lê Thành	Tiến	23/01/2004	CCQ2217H	7.7	8	7.9	
234006	54	2122170286	Phạm Văn	Tiến	27/07/2004	CCQ2217H	9.3	8	8.5	
234006	55	2122170302	Võ Đình	Tiến	24/02/2003	CCQ2217H	7.3	7	7.1	
234006	56	2122170301	Trần Công	Tín	25/02/2004	CCQ2217H	8.3	7	7.5	
234006	57	2122170293	Trần Trung	Tín	28/06/2004	CCQ2217H	8.7	6	7.1	
234006	58	2122170273	Nguyễn Thành	Trí	05/06/2003	CCQ2217G	6.7	6	6.3	
234006	59	2122170307	Đỗ Thanh	Trường	05/02/2004	CCQ2217H				
234006	60	2122170267	Phan Văn	Tú	23/03/2004	CCQ2217G	8.3	9	8.7	
234006	61	2121170191	Trần Minh	Tuấn	03/07/2002	CCQ2117F	8.0	6	6.8	
234006	62	2122170252	Bùi Thế	Tường	01/09/2004	CCQ2217G	8.0	7	7.4	
234006	63	2122170285	Nguyễn Tấn	Tường	25/02/2004	CCQ2217H	7.7	6	6.7	
234006	64	2122170272	Trần Nguyễn Viết	Tường	02/07/2004	CCQ2217G				
234006	65	2122170323	Huỳnh Phước	Vinh	03/09/2004	CCQ2217H				
234006	66	2122170290	Lê Quang	Vinh	21/12/2004	CCQ2217H	10.0	7	8.2	
234006	67	2122170287	Nguyễn Ngọc	Vinh	28/05/2004	CCQ2217H	7.3	6	6.5	
234006	68	2122170275	Bùi Sinh	Vĩnh	14/03/2004	CCQ2217G				

TPHCM, ngày 08 tháng 04 năm 2023

Quê
Lương Anh Kiệt

